

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2022/HNGĐ-ST**

Ngày : 25.7.2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 23/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “*ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37A/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau từ năm 2001, quen biết do người quen giới thiệu, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 7, xã L, huyện B đến nay. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 năm sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh H1 thường hay kiểm chuyện chửi bới xúc phạm chị H và gia đình nhiều lần. Vợ chồng còn sống chung một nhà nhưng phận ai nấy sống, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc nên chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/3/2004 và Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/4/2010. Nay chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Việt T1 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Nguyễn Thị Kiều T đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H tự thỏa thuận với anh H1 về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh H1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc về nội dung khởi kiện của chị H nhưng anh H1 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/6/2022 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Về con chung cần xem xét giao con chung là Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/4/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Thị Kiều T đã trên 18 tuổi tự lao động được, chị H không có yêu cầu gì nên không xem xét. Về tài sản chung chị H tự thỏa thuận với anh H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống nhau từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/10/2002. Đây là quan hệ hôn nhân và gia

đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, ổn định tại thôn 7, xã L, huyện B. Đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được. Chị H trình bày anh H1 thường xuyên kiểm chuyện chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị nhiều lần. Mâu thuẫn này kéo dài đến nay. Vợ chồng không còn yêu thương nhau, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H có mặt, anh H1 vắng mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H kiên quyết ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị H, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị H xuất trình cho Tòa án thì chị và anh H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 29/3/2004 và Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/4/2010. Nay cháu T trên 18 tuổi và tự lao động được, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu T1, chị H yêu cầu được nuôi con chung và có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh H1 được Tòa án triệu tập làm việc nhưng không đến nên không thể hiện ý kiến về con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/4/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H tự thỏa thuận với anh H1 về có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị H trình bày chị và anh H1 không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H đối với anh Nguyễn Văn H1 về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn H1 phải giao con chung là Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/4/2010 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị H tự thỏa thuận với anh Nguyễn Văn H1 về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004288 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy